

Số: 189 /QĐ-BV

Thanh hoá, ngày 06 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố Công khai Quyết toán thu – chi ngân sách năm 2024

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN THANH HOÁ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính V/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ thông báo số 3073/TB-STC ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Sở Tài Chính về Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán Bệnh viện.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Công bố Công khai Quyết toán thu – chi ngân sách năm 2024

(Theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Hình thức công khai: Niêm yết công khai trong Bệnh viện và đưa lên trang thông tin điện tử của bệnh viện.

Điều 3. Phòng Tài chính kế toán, các phòng chức năng và CBVC bệnh viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi gửi:

- Giám đốc và các phó Giám đốc;
- Các khoa phòng trong Bệnh viện(T/h);
- Sở Y tế (B/c);
- Sở Tài chính (B/c);
- Lưu VT, TCKT.



Nguyễn Văn Tâm

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-BVYDCT ngày 06/5/2025
của Giám đốc Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Thanh Hóa

(DVT: đồng)

ST T	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	63.949.910.562	63.949.910.562	0	
1	Lệ phí				
2	Phí				
2.1	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	61.571.658.026	61.571.658.026	0	
2.2	Thu sự nghiệp khác	2.378.252.536	2.378.252.536	0	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
I	Chi sự nghiệp y tế	45.941.880.733	45.941.880.733	0	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	45.941.880.733	45.941.880.733	0	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0		
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
I	Lệ phí				
2	Phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.594.971.568	2.594.971.568	0	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				



ST T	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyet	Chênh lệch	Ghi chú
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.594.971.568	2.594.971.568	0	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.594.971.568	2.594.971.568	0	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	
...	Chi				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

